

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 30/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Đồng nguyên đơn:** Ông Lò Văn C, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Đội 7, bản H, xã S, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Anh Lò Văn B, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản N, xã S, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Anh Lò Văn T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Bản N, xã S, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Anh Vì Văn K, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Bản Đ, xã S, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Anh Lò Văn T1, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Bản Y, xã S, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Anh Lò Văn N, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Bản Y, xã S, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Ông Lò Văn T2, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Bản P, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Anh Lò Văn C1, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Bản P, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Ông Lò Văn V, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Bản P, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Anh Quảng Văn U, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản N1, xã H, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Ông Quảng Văn X, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Bản N1, xã H, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Bà Tòng Thị X1, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Bản N1, xã H, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Chị Đèo Thị Đ, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Bản N1, xã H, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Ông Lò Văn T3, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Bản K, xã P, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Lò Văn T4, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Bản K, xã P, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Lò Văn C2, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Bản K, xã P, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Lò Văn C3, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Bản K, xã P, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Anh Lò Văn T5, sinh năm: 2003.

Địa chỉ: Bản K, xã P, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Anh Vi Văn H, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Bản N2, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Anh Lò Văn C4, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Bản N1, xã H, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

*** Người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn:** Ông Lò Văn C, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Đội 7, bản H, xã S, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Bản N3, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Nguyễn Ngọc D phải trả cho các đồng nguyên đơn tổng số tiền công lao động làm thuê công trình xây dựng còn nợ lại là 104.620.000 đồng chẵn (Một trăm linh bốn triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn), cụ thể từng nguyên đơn như sau:

- | | |
|-------------------------------------|-----------------|
| - Trả nợ cho ông Lò Văn C1 số tiền: | 1.512.000 đồng. |
| - Trả nợ cho ông Lò Văn T2 số tiền: | 972.000 đồng. |
| - Trả nợ cho ông Lò Văn V số tiền: | 1.296.000 đồng. |
| - Trả nợ cho ông Lò Văn T1 số tiền: | 8.600.000 đồng. |

- Trả nợ cho ông Lò Văn C2 số tiền: 4.640.000 đồng.
- Trả nợ cho ông Vì Văn K số tiền: 8.800.000 đồng.
- Trả nợ cho ông Lò Văn T số tiền: 8.400.000 đồng.
- Trả nợ cho bà Tòng Thị X1 số tiền: 5.510.000 đồng.
- Trả nợ cho ông Quàng Văn X số tiền: 3.300.000 đồng.
- Trả nợ cho ông Lò Văn N số tiền: 4.900.000 đồng.
- Trả nợ cho ông Lò Văn T4 số tiền: 1.960.000 đồng.
- Trả nợ cho bà Đèo Thị Đ số tiền: 3.690.000 đồng.
- Trả nợ cho ông Quàng Văn U số tiền: 9.500.000 đồng.
- Trả nợ cho Lò Văn T3 số tiền: 9.700.000 đồng.
- Trả nợ cho ông Lò Văn C3 (sinh năm 1979): 3.500.000 đồng.
- Trả nợ cho ông Lò Văn B số tiền: 4.000.000 đồng.
- Trả nợ cho ông Lò Văn T5 số tiền: 6.920.000 đồng.
- Trả nợ cho ông Lò Văn C4 số tiền: 3.000.000 đồng.
- Trả nợ cho ông Vì Văn H số tiền: 7.920.000 đồng.
- Trả nợ cho ông Lò Văn C (sinh năm 1960): 6.500.000 đồng.

Hình thức trả nợ: Anh D có trách nhiệm trả trực tiếp cho các đồng nguyên đơn bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (theo danh sách trên).

Phương thức trả nợ cụ thể như sau: Anh Nguyễn Ngọc D phải trả nợ cho các đồng nguyên đơn theo danh sách đã liệt kê ở trên và không tính lãi suất. Phương thức trả một lần vào ngày 30/7/2020.

Kể từ ngày các đồng nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Ngọc D không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền trên thì anh D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468/BLDS năm 2015.

2.2. Căn cứ Khoản 3 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, thì mỗi bên đương sự phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm cụ thể như sau:

- | | |
|-------------------------------|-------------------------------------|
| 1. Anh Lò Văn C1 phải chịu: | 75.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm |
| 2. Ông Lò Văn T2 phải chịu: | 75.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. |
| 3. Ông Lò Văn V phải chịu: | 75.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. |
| 4. Anh Lò Văn T1 phải chịu: | 107.500 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. |
| 5. Ông Lò Văn C2 phải chịu: | 75.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. |
| 6. Anh Vì Văn K phải chịu: | 110.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. |
| 7. Anh Lò Văn T phải chịu: | 105.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. |
| 8. Bà Tòng Thị X1 phải chịu: | 75.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. |
| 9. Ông Quàng Văn X phải chịu: | 75.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. |
| 10. Anh Lò Văn N phải chịu: | 75.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. |

11. Ông Lò Văn T4 phải chịu:	75.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.
12. Chị Đào Thị Đ phải chịu:	75.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.
13. Anh Quảng Văn U phải chịu:	118.750 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.
14. Ông Lò Văn T3 phải chịu:	121.250 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.
15. Ông Lò Văn C3 (SN 1979) chịu:	75.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.
16. Anh Lò Văn B phải chịu:	75.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.
17. Anh Lò Văn T5 phải chịu:	86.500 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.
18. Anh Lò Văn C4 phải chịu:	75.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.
19. Anh Vì Văn H phải chịu:	99.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.
20. Ông Lò Văn C (SN 1960) chịu:	81.250 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Tổng là: 1.729.250 đồng

Ngày 25/5/2020 Ông Lò Văn C (địa chỉ: Đội 7, bản H, xã S, huyện Điện Biên) là nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn đã trực tiếp đi nộp án phí Dân sự sơ thẩm là 2.616.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên ai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0003418, do vậy các đồng nguyên đơn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.616.000 - 1.729.250 đồng (tiền án phí DSST) = 886.750 đồng. Ông C được trả lại số tiền 886.750 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện Điện Biên. Anh Nguyễn Ngọc D phải chịu 1.729.250 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án tỉnh Điện Biên
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục T.H.A DS huyện Điện Biên
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thanh Thủy